

**CÔNG TY TNHH SHINHAN A-TEC VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SHINHAN A-TEC VINA  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHINHAN A-TEC VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SHINHAN A-TEC VINA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110685719

**3. Ngày thành lập:** 15/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn số 18, Tầng 10, Tháp C2 Tòa nhà D'capitale, đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +82 315 5302

Fax:

Email: [shat1999@gmail.com](mailto:shat1999@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>- Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hòa không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác, cụ thể: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa;<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển.                                                                                                                              | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                       | 4663        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu các hàng hóa theo quy định của pháp luật                                                                                                                                 | 8299        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn thuế)                                                                                                                                                                                                                                 | 7020        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác                                                                                                                                                                                    | 7110        |
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 12. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                      | 4783        |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 14. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động.<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).                                                                          | 4799        |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                 | 3320(Chính) |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                           | 4211        |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                            | 4212        |
| 20. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                | 4221        |
| 21. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                     | 4222        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                               | 4299        |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312        |



\* Họ và tên: LEE JONGJIN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/11/1966

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M558B8636

Ngày cấp: 20/12/2023

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 97-22, Banghakbeolmal-ro 5-gil, Baegun-myeon, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ số 18, Tầng 10, Tháp C2 Chung cư D 'capitale, đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội